

# TRƯỜNG HỌC MỚI (EN): MÔ HÌNH GIÁO DỤC PHÙ HỢP CHO VÙNG KHÓ

ThS. Nguyễn Kiều Trinh  
Bảo Giáo dục & Thời đại

*Escuela Nueva (EN – Trường học mới) là một mô hình trường tiểu học, nơi học sinh (HS) cùng nhau làm việc để học những điều liên quan mật thiết đến cuộc sống của chính mình, nơi giáo viên là người hướng dẫn và cổ vũ các em trong việc lĩnh hội nhận thức cũng như trong cách ứng xử dân chủ; nơi cha mẹ và cộng đồng tham gia tích cực vào việc giáo dục con em mình. Điều đặc biệt nhất, môi trường học tập lý tưởng đó hoàn toàn không phải ở những ngôi trường “quý tộc” đắt đỏ, mà tồn tại ngay ở những trường công của các nước đang phát triển, với những học sinh xuất thân từ những gia đình có thể nói là nghèo khó nhất thế giới.*

*Đây không phải là giấc mơ không tưởng mà đã là hiện thực của hơn 20.000 trường học tại Colombia, với 5 triệu HS. Đó là hình mẫu giáo dục tiên tiến, đầy sáng tạo của Vicky Colbert và các giáo viên vùng nông thôn ở Colombia từ cuối những năm 1970. Escuela Nueva mang đến cho học sinh một môi trường học tập tích cực, chú trọng sự tham gia và hợp tác của học sinh, với nội dung học tập phù hợp với hoàn cảnh sống của các em. Điểm đặc biệt là Escuela Nueva luôn duy trì mối liên hệ mạnh mẽ giữa nhà trường và cộng đồng. Nếu những loại trường ưu việt (smart - school) được nhìn nhận như những “bộ phóng cho trí tuệ nhân loại”, thì mô hình trường học này được nhiều nhà giáo dục mệnh danh là loại trường học “kết nối trái tim cộng đồng”. Trung tuần tháng 6.2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức một hội thảo khoa học về mô hình giáo dục này, với mục đích áp dụng một cách sáng tạo vào giáo dục Việt Nam.*

## 1. Khởi điểm và phát triển

Những năm 1960, khi Unitary School (khởi điểm của EN) bắt đầu, chỉ có khoảng 18,3% HS nông thôn tốt nghiệp tiểu học. Tỷ lệ này ở học sinh thành phố cao hơn, khoảng 42%. Thời kì đó, giáo dục tiểu học Colombia gồm 5 lớp học, tuy nhiên, do hầu hết ở các trường nông thôn đều chỉ có từ một đến hai giáo viên, nhiều giáo viên dạy tham gia dạy nhiều khối học ngay trong một phòng học. Hậu quả của tình trạng lớp ghép theo kiểu này khiến HS chỉ nhận được sự hướng dẫn của giáo viên khoảng 50 đến 60% thời gian học trên lớp (Rojas & Martines, 1993). Năm 1983, trước khi EN mở rộng, chỉ có 20% HS hoàn thành bậc tiểu học trong 5 năm, và 35 % HS tiểu học vùng nông

thôn bỏ học ngay khi học lớp 1 (Psacharopoulos, Rojas & Velez, 1993). Năm 1985, có 23,8% trẻ em trong độ tuổi đến trường không đi học (Reimers, 1993). Hiệu quả giáo dục ở vùng nông thôn lại càng kém khi chương trình và sách giáo khoa được xây dựng chủ yếu để phù hợp với HS ở vùng thành thị, cùng với sự thiếu thốn các phương tiện dạy và học, sự xuống cấp của trường học, nhất là tư duy giáo dục lạc hậu, xơ cứng của giáo viên. Gia đình và cộng đồng rất hiếm khi tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường (Colbert & Arboleda, 1990).

Nhân tố chính cho sự thành công và phát triển của EN là một chương trình thử nghiệm, và sau đó được mở rộng cùng với sự lớn mạnh của mô hình này. EN là kết quả tinh chất chắt lọc và mở rộng từ ý tưởng Unitary School được thiết kế những năm 1960, với sự tài trợ của UNESCO, nhằm giải quyết những vấn đề lớn tồn tại trong giáo dục vùng nông thôn ở Colombia. Hình thức lớp ghép trong Unitary Schools bao gồm sự học tập hợp tác của HS, với sự hướng dẫn của giáo viên, quá trình tự học của HS, và sự khuyến khích của giáo viên để không em nào bị thoả chí vì thất bại, sai lầm. Ý tưởng này được triển khai ở 150 trường học, và Bộ Giáo dục Colombia đã quyết định mở rộng chương trình này tới các trường khác vào năm 1967. Tuy nhiên, ý tưởng Unitary Schools dần dần cũng bộc lộ những khiếm khuyết, trong đó có tình trạng giáo viên và người hướng dẫn không thật hiểu đầy đủ về cải cách, nhiều giáo viên cho rằng họ mất quá nhiều thì giờ để làm đồ dùng dạy học.

Sự thành công và sự mở rộng ở nhiều nước trên toàn thế giới của EN có liên quan trực tiếp tới lịch sử của nó. EN bắt đầu từ những năm 1970 với những thay đổi từ cơ sở, và với sự điều phối của Bộ trưởng Bộ giáo dục Colombia thời kì đó, đã trở thành một sự cải tổ mang tính quốc gia. Đó là một quá trình với sự tham gia của nhiều nhà giáo dục, và được rà soát kĩ lưỡng sau gần hai thập kỉ đổi mới giáo dục (từ năm 1971 tới năm 1989). Sự phát triển vượt bậc của mô hình EN cũng rất đáng ghi nhận: từ năm 1960 tới năm 1986, chính phủ Colombia quyết tâm cho một giai đoạn “củng cố nền giáo dục bằng tập quyền (Londono Polo, 1996, tr.42). Nỗ lực này nhằm “mang lại một trật tự cho hệ thống



giáo dục còn lộn xộn” – kết quả của việc nhà nước trả lương trực tiếp cho giáo viên, dẫn tới tình trạng tham nhũng trên diện rộng. Các đặc điểm của nghề giáo cũng được định nghĩa rõ nét hơn, chuẩn mực hơn, nhờ Luật Giáo viên được ban hành năm 1979 (Londono Polo, 1996, tr.44).

**2. Mô hình EN**

Mô hình EN của Colombia đã thể hiện rất rõ sự đổi mới trong giáo dục nhất là đổi mới tư tưởng cũng như nhiều yếu tố cơ bản khác liên quan tới nhà trường, giải quyết tốt tình trạng thất học của trẻ em ở bậc tiểu học và THCS của những năm 70-80 thế kỷ trước. Xuất phát điểm của EN là áp dụng cho các lớp ghép đa trình độ ở các vùng dân cư thưa thớt, ít HS; ở các vùng mà trẻ em phải phụ giúp gia đình, không có thời gian tới lớp học liên tục; và ở những vùng nông thôn nghèo mà ở đó gia đình các em không đủ điều kiện trang trải kinh phí học tập cho nhà trường.

Có thể nói bản chất của EN là việc đổi mới PPDH theo quan điểm lấy HS làm trung tâm và xây dựng **một thể hệ sách giáo khoa mới** phù hợp với quan điểm giáo dục hiện đại. Vì vậy, EN không chỉ thành công ở mục tiêu tiếp cận và duy trì số lượng học sinh bậc giáo dục cơ bản mà còn đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng HS, chất lượng nhà trường ở vùng khó khăn và cả những vùng thuận lợi.

Giáo dục Việt Nam trong thập kỉ vừa qua đã có nhiều tiến bộ đáng kể, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn bước đầu đã được tiếp cận GDTH, tỉ lệ duy trì và hoàn thành bậc học cơ bản ngày càng cao. Nhiều sáng kiến và cách làm hay ở các trường học đã chứng tỏ đây là những yếu tố tích cực sẵn có để có thể xây dựng một mô hình trường học mới - mô hình EN ở Việt Nam.

**2.1. Đánh giá quốc tế về mô hình EN**

- UNESCO coi mô hình EN là mô hình có chất lượng tốt nhất về giáo dục tiểu học ở các vùng nông thôn của Châu Mỹ La tinh.

- Ngân hàng Thế giới chọn mô hình EN là 1 trong 3 cải cách đáng chú ý nhất ở các nước phát triển trên thế giới.

- Liên hiệp quốc (năm 2000) trong Báo cáo phát triển con người đã chọn mô hình EN là 1 trong 3 thành tựu chính của Colombia.

- Có 35 nước đã tới tìm hiểu mô hình EN để làm cơ sở, động lực cho thay đổi nhà trường truyền thống và nâng cao chất lượng giáo dục của mình.

**2.2. Tổng kết và đánh giá của Quỹ Ecuena Nueva của Colombia (ENF)**

- Quá trình học tập theo quan điểm lấy trẻ em làm trung tâm. Học tập mang tính hợp tác, tích cực và có sự tham gia của tất cả mọi người.

- Chương trình học phù hợp với đời sống hằng ngày của trẻ và gia đình.

- Thời khóa biểu linh hoạt. Chấm điểm đánh giá học sinh thường xuyên và áp dụng theo từng trẻ.

- Mối quan hệ vững mạnh và gắn gũi giữa nhà trường và cộng đồng.

- Giáo viên có vai trò mới như là tư cách người thúc đẩy quá trình học tập, không chỉ là người giảng giải.

- SGK mới được biên soạn nhằm thúc đẩy quá trình học tập mang tính tương tác.

Đối với HS:

- Các kĩ năng làm việc nhóm;

- Kĩ năng phân tích – phê phán;

- Tăng cường lòng tự trọng và khả năng tự định hình bản thân;

- Khuyh hướng dân chủ, bình đẳng và đạo đức trong công việc;

- Các kĩ năng học thuật và kĩ năng sống luôn luôn gắn liền với quyền công dân, sức khỏe, môi trường và di sản văn hóa;

- Quá trình học tập mà theo đó HS tự hướng dẫn và tự điều chỉnh tốc độ học tập của bản thân và HS có sự tham gia tích cực vào quá trình học tập.

Đối với giáo viên:

- Thông qua quá trình đào tạo giáo viên tập trung hiệu quả và mang tính thực tiễn đã thúc đẩy mạnh hoạt động giảng dạy có chất lượng cao;

- Luôn có xu hướng tích cực đối với giáo dục;

- Hỗ trợ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ giữa các giáo viên thông qua các tiểu trung tâm hoặc chu kì học tập, bồi dưỡng của giáo viên;

- Có nhiều cơ hội là người đóng vai trò lãnh đạo trong phạm vi nhà trường và cộng đồng xung quanh.

Đối với cộng đồng:

- Mối quan hệ hợp tác và hướng tới tinh thần xã hội giữa giáo viên, HS và cộng đồng;

- Tăng cường kết nối các chương trình học có liên quan và gắn kết với gia đình, cộng đồng;

- Gia đình trở nên có liên quan trực tiếp và tích cực tới các hoạt động của nhà trường;

- Tạo ra cơ hội để chia sẻ các nội dung, hoạt động văn hóa và kiến thức địa phương;

- Nâng cao giá trị và sự hiểu biết về các hoạt động thường nhật của nhà trường;

- Xây dựng mạng lưới hỗ trợ toàn diện trong cộng đồng.

Đối với cơ quan quản lí:

- Xây dựng mối quan hệ mang tính hỗ trợ với giáo viên thay vì mối quan hệ cứng nhắc mang tính chỉ huy;

- Tạo lập khuyh hướng tích cực theo phương pháp luận của EN;

- Phát triển hệ thống đào tạo về năng lực quản lí có hiệu quả cho giáo viên thông qua các chiến lược đào tạo giáo viên tập trung mang tính thực tiễn;

- Tinh thần trách nhiệm của trẻ em và gia đình được mở rộng thông qua các hoạt động vượt ra phạm vi ngoài cộng đồng;

- Khả năng đánh giá thành tích của HS và giáo viên chính xác và hiệu quả.

Đối với hệ thống:

- Tăng cường khả năng tiếp cận, sự phù hợp về chất lượng giáo dục cơ bản;

- Giảm tỉ lệ lưu ban và bỏ học;

- HS được cải thiện thành tích học tập và thích ứng tốt với xã hội;

- Khuyến khích các hoạt động trên cơ sở và theo hướng bình đẳng.

**2.3. Năm nguyên tắc cơ bản của mô hình EN**

(i) Lấy HS làm trung tâm (HS được học theo khả năng của riêng mình; tự quản; hợp tác và tự giác cao trong học tập);

(ii) Nội dung học gắn bó chặt chẽ với đời sống hằng ngày của HS;

(iii) "Xếp lớp linh hoạt": HS được lên lớp khi được giáo viên đánh giá là các em đã đạt được các mục tiêu giáo dục tối thiểu;

(iv) Phụ huynh và cộng đồng phối hợp chặt chẽ với giáo viên để giúp đỡ HS một cách thiết thực trong học tập; tham gia giám sát việc học tập của con em mình;

(v) Góp phần hình thành nhân cách giá trị dân chủ, ý thức tập thể theo xu hướng thời đại cho HS.

**2.4. Tài liệu hướng dẫn học tập được đánh giá là bản chất làm thay đổi cơ bản phương pháp dạy học của EN**

Hướng dẫn học tập của EN bao gồm một tập hợp các hoạt động được thiết kế nhằm giúp HS học tập.

Như đã đề cập ở trên, các tài liệu này lồng ghép quy trình học và nội dung học với nhau. Đây chính là sự khác biệt cơ bản giữa những tài liệu này với các tài liệu truyền thống, hầu hết chỉ bao gồm thông tin mà rất ít các hoạt động học tập thực hành. Mỗi tài liệu hướng dẫn học được xây dựng để thực hiện một hoặc nhiều mục tiêu và được nhóm lại thành các đơn vị bài học. Mỗi module gồm một số đơn vị bài học.

Các hoạt động trong tài liệu hướng dẫn học tập được chia thành các phần. Mỗi phần đều có một mục đích cụ thể. Tài liệu hướng dẫn được cơ cấu theo cách sao cho mỗi bước trong quy trình học của trẻ đều được xét tới, theo như nghiên cứu giáo dục đã khuyến nghị về giảng dạy hiệu quả. Trong bất kì trường hợp nào, cần đảm bảo cấu trúc

logic, gắn kết và các hoạt động phải liên quan đến đời sống của trẻ"

**3. So sánh mô hình truyền thống với mô hình EN**

Mô hình truyền thống:

- Ít có sự tham gia tích cực của HS, thường hạn chế trong một số hoạt động do giáo viên quyết định

- Cách thức học tập chủ yếu là việc ghi nhớ các tài liệu và do giáo viên toàn quyền áp đặt từ SGK

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua các bài thi vấn đáp hoặc thi viết do giáo viên chấm bài dựa trên tiêu chí cố định. Và đại đa số các bài thi là cơ sở duy nhất đánh giá mức độ HS đã học thuộc lòng những kiến thức nhất định

- Thời khóa biểu và lịch học cố định và rất cứng nhắc

- Mối quan hệ hiệu trưởng – giáo viên – HS theo một chiều từ trên xuống.

Mô hình EN:

- HS được tổ chức thành nhóm, lớp nhỏ; các em cũng có thể học theo cặp, cá nhân hoặc với giáo viên

- Quan điểm của HS luôn được giáo viên quan tâm

- HS có thể tự điều chỉnh thời gian và hoạt động của các em

- HS xây dựng các hoạt động dựa trên các hướng dẫn học tập của giáo viên và các hoạt động này sau đó được các em tự mình hoàn thành

- HS giải quyết các vấn đề được giáo viên hoặc các bạn của các em đưa ra

- Có những lúc, giáo viên sẽ giảng bài, nhưng theo cách thức có tính chất giao tiếp nhiều hơn. Giáo viên thường phải quan sát, hướng dẫn và thảo luận, đánh giá hoạt động của các nhóm HS

- Quá trình học tập luôn mang tính tích cực.

**Với những đặc điểm nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng:**

(i) Mô hình EN phù hợp với đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học ở châu Mỹ la tinh và nhiều nước khác trên phạm vi quốc tế;

(ii) Mô hình EN là mô hình giáo dục cụ thể, đã được kiểm định qua thực tế, được tổng kết đánh giá và được công nhận hiệu quả bởi tính khả thi của nó;

(iii) Mô hình EN giải quyết trực tiếp và có hệ thống những thách thức của giáo dục ở những địa phương có cơ sở hạ tầng nghèo nàn, thiếu nguồn lực, trình độ giáo viên thấp, tỉ lệ lưu ban, bỏ học cao và kết quả học tập thấp; và

(iv) Thực trạng của nhiều vùng khó khăn của Việt Nam cũng có những điểm giống với thực trạng của các vùng khó khăn ở Côlômbia. Như vậy, mô hình EN phù hợp để áp dụng vào Việt Nam. Việc áp dụng mô hình EN sẽ là hết sức hiệu quả nếu dựa trên kế hoạch và sự hỗ trợ thích hợp. Áp dụng mô hình EN sẽ làm



thay đổi đời sống hàng ngày của nhà trường cũng như hoạt động dạy và học của giáo viên và HS trong các trường tiểu học ở Việt Nam.

Áp dụng mô hình EN không thể rập khuôn, máy móc mà cần được nghiên cứu, có chọn lọc vào hoàn cảnh thực tế, phù hợp với Việt Nam. Sự lựa chọn mô hình là lựa chọn một mô hình cụ thể đã được tổng kết và đánh giá bằng lí luận và thực tiễn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai những yếu tố tích cực của những mô hình khác vẫn được bổ sung, áp dụng để công cuộc đổi mới sư phạm ở Việt Nam thực sự đạt hiệu quả cao.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. UNESCO, *UNESCO's First Comparative international Study on the Quality of Education, 1998*
2. UNICEF, Evaluation database: Results of the Escuela Nueva Baseline Survey for 5 Schools in Region 1 and 7 Schools in Region 9, 2001
3. History of Education, *Selected Moments of the 20th Century, 1976, Colombia's Escuela Nueva*

4. The World Bank: *Achievement evaluation of Colombia's Escuela Nueva: is multigrade the answer?*
5. Angela Little, *Education for All and Multigrade Teaching: Challenges and Opportunities, University of London, 2006*
6. Rachel Kline, Havard University, *A Model for Improving Rural School: Escuela Nueva in Columbia and Guatemala, 2002*

**SUMMARY**

*This article presents the model for primary school of Escuela Nueva (EN) as applied in Colombia. This is the place for children to learn together the matters related to their lives, where teachers become facilitators and promoters, where parents and communities are involved actively in the education of their children. The author believes that this model is applicable in Vietnam, however this shall not be a mechanic copy, instead there shall be studies on how to adapt this to Vietnamese settings.*

**ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN... (Tiếp theo trang 47)**

Nhà bác học Lê Quý Đôn mẫn cảm, sáng suốt biết chừng nào, từ thế kỉ XVIII đã cảnh báo, "*Phi trí bất hưng*". Cũng như vậy, ông coi trí thức hiền tài (ngày nay ta gọi là chuyên gia) là những sĩ phu, mà nếu để xảy ra tình trạng "sĩ phu ngoảnh mặt" thì chế độ ắt phải suy vong. Về điều này, nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI cũng đã chỉ rõ: "Xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức... Có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước".

Các trường ĐH chất lượng cao được nêu ở trên sẽ là các trường chủ công tham gia cho đào tạo đội ngũ chuyên gia này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.100.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.241-242.
3. Nguyễn Ngọc Phú (Chủ biên), *Thực trạng nguồn nhân lực, nhân tài của đất nước hiện nay*.

<sup>7</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr. 241-242.

*Những vấn đề đặt ra - Giải pháp*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2010.

4. <http://www.nhantainhanluc.com/vn/401/3208/contents.aspx>
5. *Objectif 50% d'une génération diplômée de l'enseignement supérieur (Mục tiêu 50% trong một thế hệ có bằng đại học)*: Bernard Legendre, Jean-Jacques Maillard Haut comité éducation-économie-emploi, La Documentation française: 2006 / 256 p.
6. Patrick Hetzel, *De l'université à l'emploi: rapport final de la Commission du débat national Université-Emploi (Từ trường đại học đến việc làm : báo cáo tổng kết của Hội đồng thảo luận quốc gia về trường đại học và việc làm)*, Premier ministre : 2006 / 112 p.

**SUMMARY**

*The author believes that for the basic and radical innovation of education in Vietnam 4 issues shall be clarified: 1. Educational goals. Changes in system and system management; 2. Changes in delineation of levels, curriculum from preschool to higher education; 3. Changes in curriculum contents, standardization of textbooks for all levels; 4. Training of experts for all sectors.*